

Bản án số: 24/2019/DS-ST
Ngày 25/10/2019
V/v “*tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quốc Trung.
2. Bà Bùi Thanh Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 N 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 25/4/2019, về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-DS ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trọng H**, sinh N: 1985

Bà Triệu Thị Diệu L, sinh N: 1988

Cùng trú tại: Khu vực TH, phường PT, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Huy KH, sinh N: 1987.

Trú tại: Số A TP, phường CK, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh N: 1961.

Trú tại: Số 107, khu vực Bình TH, phường TL, quận Ô Môn. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Mai TA**, sinh N: 1983. (vắng mặt)

Ông **Mai U**, sinh N: 1959 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú: Khu vực Bình TH, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Ông **Lê Phước TH**, sinh N: 1970.

Nơi cư trú: Khu vực TT, phường TL, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn quen biết nên vào ngày 01/6/2015 ông Nguyễn Trọng H và Triệu Thị Diệu L có cho bà Trần Thị N vay số tiền là 280.000.000 đồng, lãi suất theo thỏa TH 1,5%/tháng, mục đích vay là để làm ăn kinh doanh, thời hạn trả vốn và lãi (lời) sau 01 N. Hai bên có làm biên nhận vay tiền. Đến nay, bà N chưa trả vốn và lãi, vì vậy nguyên đơn yêu cầu bà N và ông Mai U (chồng bà N) phải có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền vốn và lãi tổng cộng là: 395.605.000 đồng (trong đó nợ gốc 280.000.000 đồng và lãi suất 115.605.000 đồng tạm tính đến ngày 20/6/2018).

Bị đơn bà Trần Thị N trình bày: Bà N thừa nhận có ký vào biên nhận vay tiền số tiền là 280.000.000 đồng. Tuy nhiên, sự thật về nội dung biên nhận vay tiền cụ thể như sau: Trong khoảng tháng 7/2015 (không nhớ rõ ngày), bà có vay của ông H số tiền: 11.000.000 đồng, lãi suất 15%/tháng, trả lãi hàng tháng. (Không có làm biên nhận). Bà không thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn, thực ra bà, Bùi Văn Thái, Thái Mỹ Phượng và Lê Phước TH có vay của vợ chồng ông H 141.000.000 đồng, với lãi suất là 10% và 15%. Đến tháng 7 N 2015 thì ông H kết nợ và có làm hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tay) và kêu bà ký vào với gốc và lãi là 280.000.000 đồng.

Nay, bà thống nhất có nợ của vợ chồng ông H là 141.000.000 đồng. Bà đồng ý trả số nợ này và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Mai U: Việc bà N vay nợ của ông H ông hoàn toàn không hay biết, nên ông không có trách nhiệm với số nợ của bà N gây ra.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Yêu cầu bà N, ông Út có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn 395.605.000 đồng (trong đó nợ gốc 280.000.000 đồng và lãi suất 115.605.000 đồng tạm tính đến ngày 20/6/2018). Đối với lãi suất nguyên đơn chỉ yêu cầu tính từ ngày 01/6/2015 đến ngày 20/6/2018 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật 1,125%/tháng. Thời gian từ ngày 20/6/2018 đến ngày xét xử hôm nay phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đối với khoản nợ của bà N, nhận thấy bà N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên phải chịu trách nhiệm về hành vi khi ký vào biên nhận vay tiền, việc ký vào biên nhận vay tiền ngày 01/6/2015 bà N hoàn toàn tự nguyện. Mặc khác, tại biên nhận vay tiền ghi nhận thời gian vay tiền từ ngày 01/6/2015 đến 01/6/2016, nhưng theo tài liệu bà N cung cấp thì thể hiện ngày 15/5/2016 cho thấy có sự mâu thuẫn, nên lời lập luận của bà N là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, xét thấy việc vay tiền của bà N ông Mai U không biết đến nên chỉ buộc bà N có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà N trả cho ông H, bà L số nợ 395.605.000 đồng (trong đó nợ gốc 280.000.000 đồng và lãi suất 115.605.000 đồng tạm tính đến ngày 20/6/2018).

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác, các đương sự phải chịu theo quy định chung của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn phải trả lại số nợ gốc và tiền lãi theo các hợp đồng vay tài sản. Bị đơn chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ đó các bên phát sinh tranh chấp. Quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại các Điều 26; 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về tố tụng*: Ông Mai TA được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; riêng ông Mai U có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Xét biên nhận vay tiền ngày 01/6/2015 số tiền 280.000.000 đồng, chứng cứ của Nguyên đơn cung cấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nội dung của biên nhận thể hiện bên cho vay (bên A) là ông Nguyễn Trọng H, bên vay tiền (bên B) là bà Trần Thị N, các bên có thỏa TH: “...*Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là 280.000.000 đ...Bên B có trách nhiệm đóng lãi hàng tháng cho bên A đầy đủ; bên B có nhận số tiền trên của bên A để làm ăn kinh doanh và thời gian bên B hoàn trả lại tiền vốn và lãi cho bên A là 1 N (kể từ ngày nhận tiền)...Thời gian vay tính từ ngày 01/6/2015 và thời gian hoàn vốn là 01/06/2016*”.

Xét tài liệu của bà Trần Thị N đưa ra được trưng cầu giám định có thể hiện các con số và chữ, lãi: 92.000.000 đ, 4.000.000 đ, 1.650.000 đ, 12.000.000 đ; tổng số: 109.650.000 đ. Ngoài ra còn có các con số 11.000.000 đ, 40.000.000 đ, 120.000.000 đ; tổng số: 280.650.000 đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật Công an thành phố Cần Thơ thì khẳng định ông Nguyễn Trọng H là người viết ra. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an thì không khẳng định có phải chữ số của ông H viết ra hay không, mà chỉ nêu là không đủ cơ sở để kết luận. Từ đó cần xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, đánh giá chứng cứ một cách khách quan để giải quyết đúng bản chất sự thật của vụ án.

Tại biên nhận ngày 01/6/2015 bị đơn thừa nhận do bị đơn ký tên bên vay nhưng bị đơn cho rằng số nợ này là nợ gốc và lãi suất của các khoản nợ của bị

đơn với nợ của ông Thái, bà Phượng và ông TH. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 25/4/2019 ông Thái và bà Phượng thừa nhận có nợ của ông H, bà L 120.000.000 đồng. Do đó, Tòa án đã tách vụ án giữa ông H, bà L với ông Thái, bà Phượng và đã ra quyết định công nhận sự thỏa TH của các đương sự số 20/2019/QĐST-DS, ngày 03/5/2019. Đối với ông TH thì phí nguyên đơn có đơn rút yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cũng ra Quyết định đình chỉ giữa nguyên đơn với ông TH.

Ngoài những chứng cứ trên ra bà N không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc số nợ 280.000.000 đồng là nợ chung của bà với ông Thái, bà Phượng và ông TH. Như vậy, lời trình bày của bà N là không có cơ sở vững chắc và tin cậy.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng cho rằng thời điểm bà N vay nợ của nguyên đơn thì ông Mai U không có mặt và cũng không biết, nguyên đơn không chứng minh được việc ông Mai U có cùng đứng ra vay số nợ với bà N.

Do đó, cần phải buộc bà N có nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà L.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Chi phí trung cầu giám định:

Bà Trần Thị N tự nguyện chịu: 5.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Trọng H phải chịu: 2.800.000 đồng

Các đương sự đã thực hiện xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều:

Điều 26, 35, 39, 91, 217, 227 và 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471, 474 và 476 Bộ luật Dân sự N 2005;

Điều 146; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự N 2015;

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị N phải trả cho ông Nguyễn Trọng H và bà Triệu Thị Diệu L số tiền 395.605.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm lẽ N ngàn đồng). (trong đó nợ gốc 280.000.000 đồng và lãi suất 115.605.000 đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị N phải chịu 19.780.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm tám chục ngàn đồng)

Ông Nguyễn Trọng H và bà Triệu Thị Diệu L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng số: 009834 ngày 13/10/2016 là 9.238.000 đồng; và biên lai thu tiền tạm ứng số 009836 ngày 13/10/2016 là 3.338.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Chi phí trưng cầu giám định:

- Bà Trần Thị N tự nguyện chịu: 5.000.000 đồng;
- Ông Nguyễn Trọng H phải chịu: 2.800.000 đồng.

Bà N và ông H đã thực hiện xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa TH thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Quận Ô Môn,
- Chi cục THA quận Ô Môn,
- Đường sự,
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phường Văn Chính